



Viện Dược Liệu tự nhiên một nửa các trường hợp không biết là có thai. Hầu hết các phụ nữ dùng octreotide trong 3 tháng đầu thai kỳ với liều trong khoảng từ 100-300 µg/ngày Sandostatin tiêm dưới da hoặc 20-30 mg/tháng Sandostatin LAR. Khoảng hai phần ba các trường hợp biết là có thai đã được lựa chọn để tiếp tục điều trị với octreotide trong khi có thai. Trong hầu hết các trường hợp biết là có thai, trẻ đẻ ra bình thường, các phụ nữ này được ghi nhận nhưng có một số trường hợp bị sảy thai đầu tiên trong 3 tháng đầu thai kỳ, và một số trường hợp phá thai. Không có những bất thường hay dị tật bẩm sinh do sử dụng octreotide ở những trường hợp biết là có thai được báo cáo. Các nghiên cứu trên động vật không chỉ ra những tác động có hại trực tiếp hay gián tiếp về sinh lý thoáng qua. Sandostatin chỉ nên dùng cho phụ nữ có thai khi thật cần thiết (xem phần CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG ĐẶC BIỆT KHI SỬ DỤNG). **Nuôi con bú:** Chưa rõ liệu octreotide có được bài tiết vào sữa mẹ hay không. Các nghiên cứu trên động vật cho thấy có sự bài tiết của octreotide vào sữa mẹ. Bệnh nhân không nên cho con bú khi đang điều trị với Sandostatin. **TÁC DỤNG PHỤ KHÔNG MONG MUỐN:** Các tác dụng phụ được báo cáo thường gặp nhất trong khi điều trị với octreotide bao gồm các rối loạn về tiêu hóa, các rối loạn về hệ thần kinh, các rối loạn về gan mật và các rối loạn về chuyển hóa và dinh dưỡng. Các phản ứng phụ hay gặp nhất đã được báo cáo trong các thử nghiệm lâm sàng dùng Sandostatin là tiêu chảy, đau bụng, buồn nôn, đầy hơi, đau đầu, bệnh sỏi mật, tăng đường huyết và táo bón. Các tác dụng phụ khác thường được báo cáo là chóng mặt, đau tại chỗ tiêm, buồn mật, rối loạn chức năng tuyến giáp (ví dụ như hormone kích thích tuyến giáp [TSH] bị giảm, T4 toàn phần bị giảm, và T4 tự do bị giảm), phần lỏng, hấp thu glucose bị suy giảm, nôn, suy nhược và hạ đường huyết. Trong một số ít trường hợp, các tác dụng phụ về tiêu hóa có thể có các triệu chứng giống tắc ruột cấp với chướng bụng liên tục, đau nặng vùng thượng vị, nhầy cảm đau khi ăn và nề bụng. Đau hoặc cảm giác nhức, cảm giác nóng tại chỗ tiêm dưới da, sưng và đỏ ít khi kéo dài quá 15 phút. Các khó chịu tại chỗ này có thể làm giảm nhẹ bằng cách để dung dịch thuốc lên tới nhiệt độ trong phòng trước khi tiêm hay tiêm với lượng thuốc nhỏ hơn với dung dịch thuốc đặc hơn. Mặc dù sự bài tiết chất béo qua phân đo được có thể tăng lên, hiện nay chưa có bằng chứng cho thấy việc điều trị kéo dài với octreotide dẫn đến thiếu hụt dinh dưỡng do hấp thu kém. Sự xuất hiện các tác dụng phụ về tiêu hóa có thể giảm bằng cách không dùng bữa ăn gần với thời gian tiêm Sandostatin dưới da, có nghĩa là nên tiêm thuốc giữa các bữa ăn hoặc trước khi đi ngủ. Trong một số rất ít các trường hợp, viêm tụy cấp đã được báo cáo trong vòng vài giờ hoặc vài ngày đầu điều trị Sandostatin tiêm dưới da và được hồi phục khi ngừng dùng thuốc. Ngoài ra, viêm tụy do bệnh sỏi mật cũng được báo cáo ở những bệnh nhân điều trị Sandostatin tiêm dưới da kéo dài. Ở cả bệnh nhân to viễn cực và hội chứng carcinoid, các thay đổi về điện tâm đồ (ECG) đã quan sát thấy như khoảng QT kéo dài, thay đổi trục, tái khởi cực sớm, điện thế thấp, chuyển tiếp R/S, sóng R sớm và các thay đổi sóng ST-T không đặc hiệu. Mỗi liên quan giữa các hiện tượng này với octreotide acetate chưa được xác định vì rất nhiều trong số những bệnh nhân này đang có bệnh tim (xem phần CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG ĐẶC BIỆT KHI SỬ DỤNG). Các phản ứng phụ sau đây được liệt kê trong Bảng 1, đã được thu thập từ các nghiên cứu lâm sàng với octreotide: **Giai đoạn hậu mãi:** Các phản ứng phụ được báo cáo tự phát được trình bày trong bảng 2, được báo cáo một cách tự nguyện và nó thường không thể xác định được chính xác tần suất hay mối quan hệ nhân quả với việc dùng thuốc. Các phản ứng phụ (Bảng 1) được xếp loại theo để mục về tần suất, đầu tiên là hay gặp nhất, sử dụng quy ước sau đây: *rất hay gặp* ($\geq 1/10$), *hay gặp* ($\geq 1/100$, $< 1/10$), *ít gặp* ($\geq 1/1.000$, $< 1/100$), *hiếm gặp* ($\geq 1/10.000$, $< 1/1.000$), *rất hiếm gặp* ($< 1/10.000$), bao gồm cả các báo cáo lẻ tẻ. Trong mỗi nhóm tần suất, các phản ứng phụ được xếp theo thứ tự độ nghiêm trọng giảm dần. **QUÁ LIỀU:** Rất ít các trường hợp dùng quá liều Sandostatin một cách ngẫu nhiên ở người lớn và trẻ em được báo cáo. Ở người lớn, các liều trong khoảng từ 2.400-6.000 µg/ngày truyền liên tục (100-250 µg/giờ) hoặc tiêm dưới da (1.500 µg, 3 lần/ngày). Các tác dụng phụ được báo cáo là loạn nhịp, hạ huyết áp, ngừng tim, giảm oxy máu não, viêm tụy, viêm gan thoái hóa mỡ, tiêu chảy, mệt mỏi, ngủ lịm, sút cân, gan to và nhiễm acid lactic. Ở trẻ em, các liều trong khoảng từ 50-3.000 µg/ngày truyền liên tục (2,1-500 µg/giờ) hoặc tiêm dưới da (50-100 µg). Tác dụng phụ duy nhất được báo cáo là tăng đường huyết nhẹ. Không có các tác dụng phụ không được dự đoán trước được báo cáo ở bệnh nhân una thư duna Sandostatin với liều 3.000-30.000 µg/năm chia liều tiêm dưới da. **BẢO QUẢN: Ổn**